

TCTY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ UDIC
CTY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Địa chỉ: 21 Huỳnh Thúc Kháng - Hà Nội

Điện thoại: 024.37730037 Fax: 024.37730196

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025

I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1/ TÀI SẢN

TÀI SẢN	NGÀY 31/12/2025	NGÀY 31/12/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	35.301.224.119	37.988.936.557
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	27.449.838	352.707.670
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	26.573.895.148	29.346.814.417
3. Hàng tồn kho	8.699.592.633	8.289.103.470
4. tài sản ngắn hạn khác	286.500	311.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.491.052.990	1.610.410.686
I. Tài sản cố định	1.491.052.990	1.602.394.870
1. Tài sản cố định hữu hình	1.491.052.990	1.602.394.870
II. Tài sản dài hạn khác	-	8.015.816
1. Chi phí trả trước dài hạn	-	8.015.816
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	36.792.277.109	39.599.347.243

2/ NGUỒN VỐN

NGUỒN VỐN	NGÀY 31/12/2025	NGÀY 31/12/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	24.745.968.844	27.568.454.428
I. Nợ ngắn hạn	24.700.968.844	27.568.454.428
II. Nợ dài hạn	45.000.000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.046.308.265	12.030.892.815
I. Vốn chủ sở hữu	12.046.308.265	12.030.892.815
1. Vốn góp của chủ sở hữu	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.542.301	1.542.301
3. Quỹ đầu tư phát triển	1.858.265.143	1.858.265.143
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	186.500.821	171.085.371
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (A+B)	36.792.277.109	39.599.347.243



II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.316.284.226	3.594.647.888
2	Các khoản giảm trừ	02	-	1.348.481.734
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	2.316.284.226	2.246.166.154
4	Giá vốn hàng bán	11	720.556.364	970.765.275
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	1.595.727.862	1.275.400.879
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	309.203	250.780
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	63.696.718	40.557.701
8	Chi phí bán hàng	24	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.823.330.209	1.664.751.700
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	(290.989.862)	(429.657.742)
11	Thu nhập khác	31	470.368.131	666.973.934
12	Chi phí khác	32	128.087.165	177.809.385
13	Lợi nhuận khác	40	342.280.966	489.164.549
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	51.291.104	59.506.807
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35.875.654	47.463.238
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51)	60	15.415.450	12.043.569
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15	12

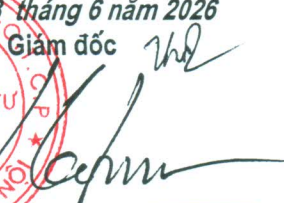
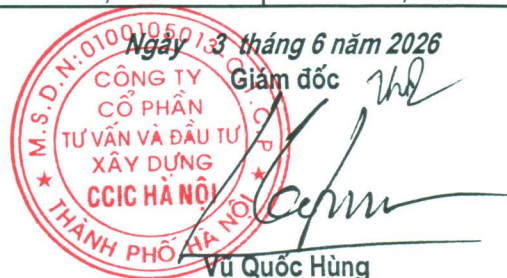
III- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản		4,05%	4,07%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		95,95%	95,93%
3	Khả năng thanh toán	lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		67,26%	69,62%
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		32,74%	30,38%
3	Khả năng thanh toán	lần		
	- khả năng thanh toán hiện hành		1,08	1,08
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- ROA (Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản)		1,43	1,38
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu)		0,04%	0,03%
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu)		0,13%	0,10%

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy

Ngày 3 tháng 6 năm 2026
Giám đốc 

Vũ Quốc Hùng

Ghi chú:

- * Khả năng thanh toán nhanh = (TS ngắn hạn- hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn
- * Khả năng thanh toán hiện hành = TS ngắn hạn / nợ ngắn hạn